

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1428/TT-STC ngày 13/5/2021 và hồ sơ xin ý kiến các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tiêu thụ nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình do Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình sản xuất, cung cấp.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các hộ gia đình sử dụng nước sạch sinh hoạt;
- b) Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt

1. Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt

Mục đích sử dụng nước	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Giá bán (đồng/m ³)
	Mức	Ký hiệu	
Nước dùng cho sinh hoạt	Mức từ 1 m ³ - 10 m ³ đầu tiên (sinh hoạt 1, hộ/tháng)	SH1	7.000
	Từ trên 10 m ³ - 20 m ³ (sinh hoạt 2, hộ/tháng)	SH2	8.700
	Từ trên 20 m ³ - 30 m ³ (sinh hoạt 3, hộ/tháng)	SH3	9.700
	Từ trên 30 m ³ (sinh hoạt 4, hộ/tháng)	SH4	10.400

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí chuyển đổi sở hữu đồng hồ đo nước, chi phí ngõ khởi thủy lắp đặt cho khách hàng, phí nước thải công nghiệp, chi phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng (52 đồng/m³), thuế tài nguyên nước, chi phí giám sát môi trường, chi phí nước thô đầu vào được cơ cấu trong giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch lấy từ các công trình thủy lợi (350 đồng/m³); không bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

2. Các tổ chức cung cấp nước sinh hoạt khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa xây dựng phương án giá nước sinh hoạt thì tạm thời áp dụng mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Quyết định này cho đến khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án giá nước sạch sinh hoạt cho tổ chức đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~13~~ tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho

bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Phan Mạnh Hùng